BIỂU SỐ 18/CH

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG TRONG NĂM 2025 CỦA HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính																						
				TT Thanh Sơn	Xã Sơn Hùng	Xã Địch Quả	Xã Giáp Lai	Xã Thục Luyện	Xã Võ Miếu	Xã Thạch Khoán	Xã Cự Thắng	Xã Thạch Kiệu	Xã Yên Lương	Xã Cự Đồng	Xã Thắng Sơn	Xã Tân Minh	Xã Hương Cần	Xã Khả Cửu	Xã Đông Cửu	Xã Tân Lập	Xã Yên Lãng	Xã Yên Lương	Xã Thượng Cửu	Xã Lương Nha	Xã Yên Sơn	Xã Tinh Nhuệ
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+…+(...)	(5)	(6)	(5)	(6)	(5)	(6)	(5)	(6)	(5)	(6)	(5)	(6)	(5)	(6)	(5)	(6)	(5)	(6)	(5)	(6)	(5)	(6)	(5)
1	**Nhóm đất nông nghiệp**	**NNP**																								
2	**Nhóm đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**10,60**	**0,06**	**0,06**		**0,15**	**0,76**	**0,41**	**0,00**		**0,01**	**0,47**	**7,62**	**0,19**			**0,17**		**0,20**				**0,26**		**0,24**
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT																								
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT																								
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC																								
2.4	Đất quốc phòng	CQP																								
2.5	Đất an ninh	CAN																								
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0,37															0,17		0,20						
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,17															0,17								
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH																								
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT																								
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,20																	0,20						
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT																								
2.6.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK																								
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông	CSK	8,00				0,14	0,13						7,61	0,12											
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,25					0,13							0,12											
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD																								
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	7,61											7,61												
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,14				0,14																			
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2,23	0,06	0,06		0,01	0,63	0,41	0,00		0,01	0,47	0,01	0,07									0,26		0,24
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1,82	0,03	0,03		0,01	0,40	0,40			0,01	0,47	0,01	0,06									0,16		0,24
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	0,33					0,23																0,10		
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT																								
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD																								
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA																								
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,08	0,03	0,03				0,01	0,00					0,01											
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV																								
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH																								
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV																								
2.9	Đất tôn giáo	TON																								
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN																								
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD																								
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC																								

Ủy ban nhân dân huyện Thanh Sơn
ubthanhson@phutho.gov.vn
Tỉnh Phú Thọ